| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 168/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Viết Hải
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Trương Xuân Mâu và ông Mai Văn Ngọc.
***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 01/9/1997; CCCD số 044197000174; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Q, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến D, sinh ngày 07/3/1996, số CCCD 044096008028; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã T, tỉnh Quảng Trị); hiện trú tại: 113 đường D, quận D, thành phố C, Đài Loan, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tiến D có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/7/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh D. Tháng 9/2022 vợ chồng bàn bạc để anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Ban đầu anh D vẫn thường xuyên liên lạc gọi điện về hỏi thăm gia đình, động viên vợ con, nhưng đến khoảng tháng 10/2023 thì anh D không liên lạc về nữa. Vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau và tình cảm dần phai nhạt. Bản thân chị D và gia đình hai bên nội

ngoại đã hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân thực tế không tồn tại nên chị D đề nghị Tòa giải giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Chị D trình bày vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 09/3/2022. Từ khi sinh ra cho đến nay con đều sống với chị D và được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh D đang làm ăn sinh sống tại nước ngoài không biết khi nào về Việt Nam. Do đó, sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Dphải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong trường hợp anh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con thì chị D cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến D hiện đang làm việc và cư trú tại nước ngoài. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có văn bản số 1385/CV-TAND ngày 03/6/2025 gửi Văn phòng Đại diện Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc yêu cầu tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để thu thập ý kiến, yêu cầu của anh D đối với yêu cầu của chị D. Tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Dvà người thân của anh Dtại nơi cư trú của anh D trước khi xuất cảnh. Ngày 08/8/2025, Tòa án có Công văn số 329/TAND-CV gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Nguyễn Tiến D đang cư trú tại Đài Loan, về việc chị Phạm Thị Mỹ D xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, nhưng đến nay không nhận được ý kiến, yêu cầu của anh Dũng. Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 26/8/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh D vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh D vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 25/6/2025, bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến D) trình bày: Con trai bà là anh Nguyễn Tiến D và chị Phạm Thị Mỹ D tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng D, D về chung sống cùng bà. Đến năm 2023, anh D đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể bà không biết. Sau đó chị D đưa con về nhà ngoại sống. Vợ chồng D, D có mâu thuẫn gì thì bà không biết. Anh D vẫn thường xuyên liên lạc về thăm hỏi bà và vẫn biết việc chị D đã làm đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý. Quan điểm của anh D là đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 09/3/2022. Về tài sản chung thì chị D hiện đang sử dụng 01 xe mô tô là tài sản riêng của anh D có trước thời kỳ hôn nhân nên đề nghị chị D trả lại. Về nợ chung thì vợ chồng D, D không có.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Mỹ D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Tiến D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành

đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tiến D vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Mỹ D, xử cho chị D được ly hôn anh Nguyễn Tiến D; về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 09/3/2022 cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Mỹ D có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài, theo thông tin cung cấp của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh thì anh D đã xuất cảnh ngày 09/9/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại các Điều 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có văn bản số 1385/CV-TAND ngày 03/6/2025 gửi Văn phòng Đại diện Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc yêu cầu tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để thu thập ý kiến, yêu cầu của anh D đối với yêu cầu của chị D và tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh D tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh và cho người thân của anh D(là bà Nguyễn Thị M - mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến D) để người thân thông báo cho anh D biết nội dung liên quan đến việc chị Phạm Thị Mỹ D xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 08/8/2025, Tòa án có Công văn số 329/TB-TA gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Nguyễn Tiến D đang cư trú tại Đài Loan biết về việc chị Phạm Thị Mỹ D xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp quy định tại khoản 3 Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay không nhận được ý kiến, yêu cầu của anh Dđối với yêu cầu của chị D. Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 26/8/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh D vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Tiến D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ các Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Dũng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ D và anh Nguyễn Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/7/2022 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống cùng nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đở nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Nhưng do quan điểm và tính cách không tương đồng về mọi mặt trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẩn vợ chồng, chị D đã tự ý bồng con về nhà ngoại sinh sống, trong thời gian này chị D và hai bên gia đình cũng đã khuyên nhủ anh D để vợ chồng trở lại sống chung cùng nhau nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm lo lắng gì cho nhau, người nào lo công việc của người đó. Hiện nay, chị D thấy mâu thuẩn không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân thực tế không tồn tại, nên chị D kiên quyết đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Dũng; còn anh Dđã được Tòa án niêm yết và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5 và niêm yết văn bản tố tụng tại địa phương nơi anh Dcư trú trước khi xuất cảnh và tống đạt trực tiếp cho người thân gia đình anh Dũng, nhưng anh Dđều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị D. Thể hiện, anh D không quan tâm gì đến chị D, để mặc chị D muốn làm gì thì làm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẩn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Mỹ D xin được ly hôn anh Nguyễn Tiến D là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét ý kiến, yêu cầu của chị D về con chung, thấy. Sau khi anh D đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, chị D đã đưa con về nhà bố mẹ chị sinh sống. Từ đó đến nay anh Dcũng ít khi gửi tiền về cho chị D để lo lắng cho con chung, nhưng chị D cũng lo lắng chăm sóc, nuôi dưỡng cho con đảm bảo cuộc sống. Con chung cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 09/3/2022 còn nhỏ, nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ hơn, cháu đã sinh sống ổn định cùng chị D từ nhỏ. Ngoài ra, chị D làm việc tại cữa hàng bách hóa tổng hợp, có thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 7.000.000 đồng và được sự quan tâm, hổ trợ của bên nhà ngoại, nên có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo quyền lợi ích của con chung, nên chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Dđóng góp tiền nuôi con chung cùng chị; còn anh D thông qua gia đình có ý kiến đồng ý ly hôn, nhưng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, anh D hiện nay đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài, chưa biết khi nào về Việt Nam, nên khó có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị D. Giao con chung cháu Nguyễn Trung K cho chị Phạm Thị Mỹ D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc anh

Nguyễn Tiến D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D (do chị D tự nguyện không yêu cầu) là phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến nguyện vọng của chị D, điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Chị Phạm Thị Mỹ D và anh Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 228, 469, 474, 475; điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Mỹ D được ly hôn anh Nguyễn Tiến Dũng. Hôn nhân của chị Phạm Thị Mỹ D và anh Nguyễn Tiến D chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 09/3/2022 cho chị Phạm Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh Nguyễn Tiến D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D (do chị D tự nguyện không yêu cầu).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản, nợ chung: Đương sự không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai số 0005369 ngày 17/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị), chị D đã nộp đủ.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị Mỹ D phải chịu 3.620.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 1.370.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng tiền chi phí đăng tin kênh đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam VOV). Số tiền này chị D đã nộp đủ và chi phí hết.

6. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Tiến Dvắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Tuyên Phú, T.Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Dương Viết Hải**